

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH VĨNH LONG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 56/2023/DS-PT

Ngày: 14 – 4 - 2023

V/v: Tranh chấp xác định quyền sở hữu,
quyền sử dụng tài sản, phân chia tài sản chung để thi hành án.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Văn Lộc

Các Thẩm phán: Bà Phạm Thị Hồng Hà

Ông Nguyễn Văn Trường

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Thành Luân – Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Vĩnh Long.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa:**
Ông Nguyễn Việt Tiến – Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 4 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử công khai vụ án dân sự phúc thẩm thụ lý số: 41/2023/TLPT-DS ngày 02 tháng 3 năm 2023 về việc “Tranh chấp xác định quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản, phân chia tài sản chung để thi hành án”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 01/2023/DS-ST, ngày 10 tháng 01 năm 2023 của Tòa án nhân dân thị xã Bình Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 56/2023/QĐ-PT ngày 23 tháng 3 năm 2023, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Bà **Châu Thị Liên T**, sinh năm 1979 (có mặt).

Địa chỉ: phường C, thị xã B, tỉnh Vĩnh Long,

- **Bị đơn:** Ông **Nguyễn Thanh N**, sinh năm 1985 (có mặt).

Hộ khẩu thường trú: phường C, thị xã B, tỉnh Vĩnh Long. Hiện đang chấp hành án tại Trại giam B thuộc khóm X, phường Y, thị xã D, tỉnh Trà Vinh.

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Bà **Huỳnh Thị Ngọc C**, sinh năm 1986 (có mặt).

Địa chỉ: phường C, thị xã B, tỉnh Vĩnh Long.

- *Người làm chứng:*

1/ Ông **NLC1**.

2/ Ông **NLC2**.

3/ Anh **NLC3**.

- *Người kháng cáo:* Ông Nguyễn Thanh N là bị đơn và bà Huỳnh Thị Ngọc C là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 25/12/2020 và các lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án, các biên bản hòa giải tại Tòa án nguyên đơn bà Châu Thị Liên T có bà Phạm Diễm Thúy đại diện theo ủy quyền trình bày:

Ngày 21/8/2020, TAND thị xã Bình Minh đã xét xử vụ án “Tranh chấp hợp đồng góp vốn” giữa bà T và ông Nguyễn Thanh N theo bản án dân sự sơ thẩm số 11/2020/DSST, nội dung bản án buộc ông N trả cho bà Châu Thị Liên T số tiền 940.000.000đồng. Sau khi bản án có hiệu lực, bà T làm đơn yêu cầu Chi cục thi hành án dân sự thị xã Bình Minh xác minh tài sản của ông N để thu hồi nợ. Tuy nhiên, Chi cục thi hành án Dân sự Thị xã Bình Minh có Quyết định số 01 ngày 20/11/2020 xác định chưa có điều kiện thi hành đối với ông N. Theo bà T, hiện nay vợ chồng ông N và bà Huỳnh Thị Ngọc C có tài sản chung là phần đất thuộc thửa 84, tờ bản đồ số 49, diện tích 43,4m² loại đất ở tại đô thị tọa lạc khóm X, phường C, thị xã B, tỉnh Vĩnh Long và căn nhà cấp 4 gắn liền trên đất nhưng do bà C đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Bà T yêu cầu sử dụng kết quả đo đạc, chỉnh lý trích lục thửa đất và kết quả thẩm định giá thửa đất 84 và căn nhà cấp 4 trên đất của Chi cục Thi hành án Dân sự thị xã Bình Minh cung cấp để làm chứng cứ giải quyết vụ án, không yêu cầu đo đạc, định giá và thẩm định tại chỗ tài sản tranh chấp.

Nay bà T yêu cầu xác định $\frac{1}{2}$ giá trị đất thuộc thửa 84, tờ bản đồ số 49, diện tích 43,4m² loại đất ở tại đô thị tọa lạc khóm X, phường C, thị xã B, tỉnh Vĩnh Long và $\frac{1}{2}$ giá trị căn nhà cấp 4 gắn liền trên đất là tài sản riêng của ông N trong khối tài sản chung giữa ông N và bà C.

- *Theo bản tự khai ngày 05/3/2021 và các lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn Nguyễn Thanh N trình bày:* Ông N không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Bởi vì, thửa đất 84, tờ bản đồ số 49, diện tích 43,4m² loại đất ở tại đô thị tọa lạc khóm X, phường C, thị xã B, tỉnh Vĩnh Long và căn nhà cấp 4 gắn liền trên đất là tài sản riêng của bà Huỳnh Thị Ngọc C. Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất do bà C đứng tên và khi

được cấp giấy chứng nhận bà C cũng đứng tên cá nhân, theo Luật đất đai năm 2013, chủ sử dụng đất phải ghi rõ tên cá nhân hay hộ gia đình nên nhà và đất tại thửa 84 là tài sản riêng của bà C. Ông N và bà C kết hôn năm 2011, sau khi kết hôn thì vợ chồng không xài tiền chung, hàng tháng ông N chỉ đưa bà C 2.500.000 đồng đến 3.000.000 đồng/tháng để phụ giúp tiền chợ cho gia đình. Thu nhập của ông N trước đây khoảng 5 triệu đến 6.000.000đồng/tháng. Hiện nay, bà C và 02 con của ông không có chỗ ở nào khác chỉ có căn nhà duy nhất trên thửa đất 84 để sinh sống. Việc thiếu nợ bà T là của cá nhân ông N nên sau khi chấp hành án phạt tù trở về cộng đồng ông sẽ làm việc kiếm thu nhập để trả nợ cho bà T. Ông N không có ý kiến đối với kết quả đo đạc, chỉnh lý trích lục thửa đất và kết quả thẩm định giá thửa đất 84 và căn nhà cấp 4 trên đất của Chi cục Thi hành án Dân sự thị xã Bình Minh cung cấp.

- Theo bản tự khai ngày 17/3/2021, tờ tường trình ngày 20/5/2021, ngày 25/5/2021 và các lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Huỳnh Thị Ngọc C trình bày: Bà C và ông N kết hôn vào năm 2011. Vào năm 2015, bà C mua thửa đất 84, tờ bản đồ số 49, diện tích 43,4m² loại đất ở tại đô thị tọa lạc khóm X, phường C, thị xã B, tỉnh Vĩnh Long với giá 100.000.000đồng bằng nguồn tiền cá nhân để dành, chơi hụi và bán 20 chỉ vàng 24K là vàng cưới cộng với số tiền cưới 30.000.000đồng là tiền gia đình chồng cho. Cuối năm 2015, bà C mượn bạn bè, tiền cá nhân bà để dành, cha mẹ bà cho xây nhà khoảng 200.000.000đồng. Hàng tháng ông N có đưa bà C từ 2.500.000đồng đến 3.000.000 đồng/tháng để phụ giúp tiền chợ cho gia đình. Khi bà mượn tiền gia đình và bạn bè để mua đất và cất nhà thì không có làm biên nhận nợ. Thu nhập của bà khoảng 8.000.000đồng/tháng đến 9.000.000đồng/tháng.

Trong thời gian chung sống, ông N mượn giấy chứng nhận quyền sử dụng thửa đất 84, tờ bản đồ số 49, diện tích 43,4m² loại đất ở tại đô thị tọa lạc khóm X, phường C, thị xã B, tỉnh Vĩnh Long do bà C đứng tên quyền sử dụng đất để thế chấp vay tiền tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (gọi tắt là Ngân hàng Vietinbank) và mượn giấy chứng nhận quyền sử dụng thửa đất 857 diện tích 277,5m² loại đất CLN và thửa đất 855 diện tích 103,0m² loại đất CLN cùng tờ bản đồ số 18 cùng tọa lạc ấp Thuận Phú A, xã Thuận An, thị xã Bình Minh, tỉnh Vĩnh Long do bà C đứng tên quyền sử dụng đất để thế chấp vay tiền tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín (gọi tắt là Ngân hàng Sacombank), vay số tiền bao nhiêu bà C không biết. Đến khi ông N bị công an bắt và Ngân hàng khởi kiện ở Tòa án đòi trả số nợ vay do không có tiền trả nên vợ chồng bà đồng ý phát mãi tài sản theo Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số 12/2020/QĐST-DS ngày 05/6/2020 và Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số 11/2020/QĐST-DS ngày 27/5/2020 của Tòa án nhân dân thị xã Bình Minh. Khi thi hành án phát mãi tài sản thì đã bán đấu giá 02 thửa đất 857

diện tích 277,5m² loại đất CLN và thửa đất 855 diện tích 103,0m² loại đất CLN cùng tờ bản đồ số 18 cùng tọa lạc ấp Thuận Phú A, xã Thuận An, thị xã Bình Minh, tỉnh Vĩnh Long đã đủ trả tiền cho Ngân hàng Vietinbank và Ngân hàng Sacombank nên thửa đất 84, tờ bản đồ số 49, diện tích 43,4m² loại đất ở tại đô thị tọa lạc khóm X, phường C, thị xã B, tỉnh Vĩnh Long và căn nhà cấp 4 trên đất vẫn chưa bán đấu giá, bà C vẫn còn đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và đang quản lý, sử dụng.

Nay, bà C không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn vì đây là tài sản riêng của bà C. Bà C không ý kiến đối với kết quả đo đạc, chỉnh lý trích lục thửa đất và kết quả thẩm định giá thửa đất 84 và căn nhà cấp 4 trên đất của Chi cục Thi hành án Dân sự thị xã Bình Minh cung cấp.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 01/2023/DS-ST ngày 10/01/2023 của Tòa án nhân dân thị xã Bình Minh đã xử:

Áp dụng khoản 1 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 210, Điều 213, Điều 219 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Áp dụng Điều 33 và khoản 2 Điều 59 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Châu Thị Liên T có bà Phạm Diễm Thúy làm đại diện:

1. Xác định thửa đất 84, tờ bản đồ số 49, diện tích 43,4m² loại đất ở tại đô thị và tài sản gắn liền với thửa đất 84 gồm căn nhà cấp 4 tọa lạc khóm X, phường C, thị xã B, tỉnh Vĩnh Long do bà Huỳnh Thị Ngọc C đứng tên mặt IV cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản khác gắn liền với đất (Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được cấp số BV 063227, số vào sổ cấp giấy chứng nhận CH05492 được Ủy ban nhân dân thị xã Bình Minh cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản khác gắn liền với đất vào ngày 26/01/2015 cho bà Thạch Thị Hoàng Trâm, ngày 11/02/2015 được Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất thị xã Bình Minh xác nhận mặt IV tặng cho ông Thạch Hiền, ngày 15/5/2015 được Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất thị xã Bình Minh xác nhận mặt IV chuyển nhượng cho bà Huỳnh Thị Ngọc C) là tài sản chung của ông Nguyễn Thanh N và bà Huỳnh Thị Ngọc C.

2. Xác định ½ giá trị của tài sản được nêu dưới đây là của ông Nguyễn Thanh N, cụ thể: Thửa đất 84, tờ bản đồ số 49, diện tích 43,4m² loại đất ở tại đô

thị và tài sản gắn liền với thửa đất 84 gồm căn nhà cấp 4 tọa lạc khóm X, phường C, thị xã B, tỉnh Vĩnh Long, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được cấp số BV 063227, số vào sổ cấp giấy chứng nhận CH05492 được Ủy ban nhân dân thị xã Bình Minh cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản khác gắn liền với đất vào ngày 26/01/2015 cho bà Thạch Thị Hoàng Trâm, ngày 11/02/2015 được Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất thị xã Bình Minh xác nhận mặt IV tặng cho ông Thạch Hiền, ngày 15/5/2015 được Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất thị xã Bình Minh xác nhận mặt IV chuyển nhượng cho bà Huỳnh Thị Ngọc C.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về án phí sơ thẩm và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 20/01/2023 bị đơn ông Nguyễn Thanh N có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét giải quyết xác định phần tài sản chung là nhà đất thửa 84, tờ bản đồ số 49, diện tích 43,4m² tọa lạc tại khóm X, phường C, thị xã B, tỉnh Vĩnh Long của bà C và ông N được chia làm 04 phần (bà C 01 phần, ông N 01 phần, 02 con chung mỗi con 01 phần) trong đó ông N yêu cầu được nhận ¼ giá trị nhà và đất tại thửa 84, tờ bản đồ số 49, diện tích 43,4m², tọa lạc tại khóm X, phường C, thị xã B, tỉnh Vĩnh Long và yêu cầu cho bà C được nhận 03 phần giá trị nhà và đất thửa 84, diện tích 43,4m², tọa lạc tại khóm X, phường C, thị xã B, tỉnh Vĩnh Long (Bà C đại diện nhận 02 phần của 02 con chưa đủ tuổi vị thành niên).

Ngày 19/10/2023 bà Huỳnh Thị Ngọc C có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét sửa một phần bản án sơ thẩm số 01/2023/DS-ST ngày 10/01/2023 của Tòa án nhân dân thị xã Bình Minh, tỉnh Vĩnh Long và xác định phần tài sản chung là nhà đất thửa 84, tờ bản đồ số 49, diện tích 43,4m² tọa lạc tại khóm X, phường C, thị xã B, tỉnh Vĩnh Long của bà C và ông N được chia làm 04 phần (bà C 01 phần, ông N 01 phần, 02 con chung mỗi con 01 phần) trong đó bà C yêu cầu được nhận 03 phần giá trị nhà và đất tại thửa 84, tờ bản đồ số 49, diện tích 43,4m², tọa lạc tại khóm X, phường C, thị xã B, tỉnh Vĩnh Long (bà C đại diện nhận 02 phần của 02 con chưa đủ tuổi vị thành niên).

Tại phiên tòa phúc thẩm

Ông Nguyễn Thanh N giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Bà Huỳnh Thị Ngọc C giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Bà Châu Thị Liên T không đồng ý kháng cáo của ông N và bà C.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, Hội đồng xét xử và Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng quy định của pháp luật. Các đương sự chấp hành đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung: Xét kháng cáo của ông Nguyễn Thanh N và bà Huỳnh Thị Ngọc C là chưa đủ căn cứ để chấp nhận. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 không chấp nhận đơn kháng cáo của bà Huỳnh Thị Ngọc C và ông Nguyễn Thanh N, giữ nguyên bản án sơ thẩm. Ông N và bà C phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

- **Về tố tụng:** Tòa án cấp sơ thẩm tuyên án ngày 10/01/2023. Ngày 19/01/2023 và ngày 20/01/2023 bà Huỳnh Thị Ngọc C và ông Nguyễn Thanh N có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm. Xét đơn kháng cáo của bà C và ông N còn trong hạn luật định, bà C và ông N đã nộp tiền tạm ứng án phúc thẩm đầy đủ đúng quy định, nên kháng cáo hợp lệ, Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long thụ lý giải quyết theo thủ tục phúc thẩm là đúng quy định của pháp luật.

- Về nội dung:

[1] Xét kháng cáo của ông Nguyễn Thanh N và bà Huỳnh Thị Ngọc C, Hội đồng xét xử nhận thấy: Ông Nguyễn Thanh N và bà Huỳnh Thị Ngọc C đều xác nhận tài sản chung của ông N và bà C là thửa đất số 84, tờ bản đồ số 49, diện tích 43,4m², loại đất ở đô thị, tọa lạc tại khóm X, phường C, thị xã B, tỉnh Vĩnh Long và căn nhà cấp 4 gắn liền trên đất. Tài sản này là tài sản mà ông N và bà C tạo lập trong thời kỳ hôn nhân. Hiện nay ông N đang nợ bà Châu Thị Liên T số tiền 940.000.000đ theo bản án số 11/2020/DS-ST ngày 28/10/2020 của Tòa án nhân dân thị xã Bình Minh. Để đảm bảo cho việc thu hồi nợ nên bà Châu Thị Liên T tình yêu cầu Tòa án xác định phần tài sản của ông N trong khối tài sản chung của ông N và bà C. Tại phiên tòa phúc thẩm ông N và bà C đều xác định tài sản chung của ông N và bà C là thửa đất số 84, tờ bản đồ số 49, diện tích 43,4m², loại đất ở tại đô thị và căn nhà cấp 4 gắn liền trên đất, tọa lạc tại khóm X, phường C, thị xã B, tỉnh Vĩnh Long đây là chứng cứ không cần phải chứng minh. Do đó án sơ thẩm xác định ½ giá trị thửa đất số 84, tờ bản đồ số 49, diện tích 43,4m², loại đất ở đô thị và căn nhà cấp 4 gắn liền trên đất là tài sản riêng của ông Nguyễn Thanh N trong khối tài sản chung với bà C là có căn cứ.

[2] Xét việc ông Nguyễn Thanh N và bà Huỳnh Thị Ngọc C yêu cầu chia thửa đất số 84, tờ bản đồ số 49, diện tích 43,4m², loại đất ở tại đô thị và căn nhà cấp 4 gắn liền với đất tọa lạc tại khóm X, phường C, thị xã B, tỉnh Vĩnh Long làm 04 phần, ông N 01 phần, bà C 01 phần và 02 con chung là Nguyễn Phương

Anh và Nguyễn Hùng Anh mỗi người 01 phần. Xét yêu cầu này của ông N và bà C, Hội đồng xét xử nhận thấy: thửa đất số 84, tờ bản đồ số 49, diện tích 43,4m², loại đất ở tại đô thị và căn nhà cấp 4 gắn liền với đất tọa lạc tại khóm X, phường C, thị xã B, tỉnh Vĩnh Long là tài sản chung do ông N và bà C tạo lập trong thời kỳ hôn nhân, khi tạo lập khối tài sản này 02 con chung của ông N và bà C còn nhỏ, hai con chung của ông N và bà C là cháu Nguyễn Phương Anh và cháu Nguyễn Hùng Anh không có công sức đóng góp cho việc tạo nên khối tài sản chung này, do đó ông N và bà C yêu cầu chia cho cháu Nguyễn Phương Anh và cháu Nguyễn Hùng Anh mỗi người một phần trong khối tài sản chung của ông N và bà C là chưa đủ căn cứ.

[3] Từ nhận định phân tích trên, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Thanh N và bà Huỳnh Thị Ngọc C, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Xét đề nghị của kiểm sát viên tham gia phiên tòa là có căn cứ.

[4] Về án phí phúc thẩm: Ông Nguyễn Thanh N và bà Huỳnh Thị Ngọc C phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Không chấp nhận đơn kháng cáo của ông Nguyễn Thanh N và không chấp nhận đơn kháng cáo của bà Huỳnh Thị Ngọc C. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 01/2023/DS-ST ngày 10/01/2023 của Tòa án nhân dân thị xã Bình Minh, tỉnh Vĩnh Long.

Áp dụng các Điều 210, Điều 213, Điều 219 của Bộ luật Dân sự năm 2015; các Điều 33 và khoản 2 Điều 59 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 4 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Châu Thị Liên T.

1.1. Xác định thửa đất 84, tờ bản đồ số 49, diện tích 43,4m² loại đất ở tại đô thị và tài sản gắn liền với thửa đất 84 gồm căn nhà cấp 4 tọa lạc khóm X, phường C, thị xã B, tỉnh Vĩnh Long do bà Huỳnh Thị Ngọc C đứng tên mặt IV giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản khác gắn liền với đất

(Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được cấp số BV 063227, số vào sổ cấp giấy chứng nhận CH05492 được Ủy ban nhân dân thị xã Bình Minh cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản khác gắn liền với đất vào ngày 26/01/2015 cho bà Thạch Thị Hoàng Trâm, ngày 11/02/2015 được Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất thị xã Bình Minh xác nhận mặt IV tặng cho ông Thạch Hiền, ngày 15/5/2015 được Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất thị xã Bình Minh xác nhận mặt IV chuyển nhượng cho bà Huỳnh Thị Ngọc C) là tài sản chung của ông Nguyễn Thanh N và bà Huỳnh Thị Ngọc C.

1.2. Xác định $\frac{1}{2}$ giá trị của tài sản được nêu dưới đây là của ông Nguyễn Thanh N, cụ thể: Thửa đất 84, tờ bản đồ số 49, diện tích 43,4m² loại đất ở tại đô thị và tài sản gắn liền với thửa đất 84 gồm căn nhà cấp 4 tọa lạc khóm X, phường C, thị xã B, tỉnh Vĩnh Long, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được cấp số BV 063227, số vào sổ cấp giấy chứng nhận CH05492 được Ủy ban nhân dân thị xã Bình Minh cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản khác gắn liền với đất vào ngày 26/01/2015 cho bà Thạch Thị Hoàng Trâm, ngày 11/02/2015 được Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất thị xã Bình Minh xác nhận mặt IV tặng cho ông Thạch Hiền, ngày 15/5/2015 được Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất thị xã Bình Minh xác nhận mặt IV chuyển nhượng cho bà Huỳnh Thị Ngọc C.

2. Về án phí dân sự phúc thẩm: Buộc ông Nguyễn Thanh N và bà Huỳnh Thị Ngọc C mỗi người nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự phúc thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo các biên lai thu số 0013134 và 0013135 cùng ngày 03/02/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Bình Minh. Ông Nguyễn Thanh N và bà Huỳnh Thị Ngọc C đã nộp đủ.

3. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án; quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TANDCC tại Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND tỉnh Vĩnh Long;
- TAND thị xã Bình Minh;
- Chi cục THADS thị xã Bình Minh;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

- Các đương sự;
- Phòng KTNV&THA TAND tỉnh Vĩnh Long;
- Lưu tổ HCTP; hồ sơ.

ĐẶNG VĂN LỘC